****

**PHIẾU KHẢO SÁT NGÂN HÀNG**

*(Phục vụ Bảng xếp hạng Top 10 Ngân hàng thương mại Việt Nam uy tín năm 2021)*

Vietnam Report cam kết phiếu điều tra chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin Quý Ngân hàng cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin.

Kính đề nghị Quý Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin và gửi về cho Vietnam Report **trước 17h ngày 20/6/2021.**

Trân trọng cảm ơn!

**THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU**

Họ và tên: ………………………………………………………………………………………….…………

Bộ phận làm việc: ……………………………………………………………………………………………

Số điện thoại liên lạc: …………………………………………………………………………………………

Email:………………………………………………………………………………………….……………..

|  |
| --- |
| PHẦN I: THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ NGÂN HÀNG |

1. **Tên Ngân hàng:** ………………………………………………………………………………………
2. **Mã số thuế:** …………………………………………………………………………………………...
3. **Loại hình hoạt động của Ngân hàng:**

[ ]  Nhà nước

[ ]  Tư nhân

[ ]  Có vốn đầu tư nước ngoài (trên 50%)

1. **Thông tin tài chính của Ngân hàng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2020** | **Kế hoạch năm 2021** |
| Tổng tài sản (triệu đồng) |  |  |
| Vốn chủ sở hữu (triệu đồng) |  |  |
| Tổng Doanh thu (triệu đồng) |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) |  |  |
| NIM (Biên lãi ròng %) |  |  |
| LLR (Tỷ lệ dự phòng tổn thất cho vay %) |  |  |
| Tỷ lệ nợ xấu (%) |  |  |

|  |
| --- |
| PHẦN II: THỰC TRẠNG, TRIỂN VỌNG VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA NGÂN HÀNG TRONG BỐI CẢNH “HẬU COVID-19” |

1. **Theo Quý Ngân hàng, đâu là Top 3 lợi thế cạnh tranh hiện có của Quý ngân hàng là gì?**

[ ]  Phí dịch vụ phi ngân hàng

[ ]  Lãi suất ngân hàng

[ ]  Có nhiều sản phẩm mới

[ ]  Chất lượng tài sản của ngân hàng

[ ]  Chất lượng Đội ngũ nhân sự

[ ]  Cạnh tranh ở các sản phẩm dịch vụ thanh toán và đối tác liên kết

[ ]  Đa dạng sản phẩm dịch vụ

[ ]  Mạng lưới và kênh phân phối

[ ]  Ứng dụng công nghệ

[ ]  Năng lực tài chính

[ ]  Mối quan hệ thân thiết với nhiều khách hàng

[ ]  Dữ liệu lớn về khách hàng và thị trường

[ ]  Khả năng quản trị rủi ro

[ ]  Khác (ghi rõ……………………………………………………………………….)

1. **Hoạt động của Quý Ngân hàng hậu Covid-19 như thế nào?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trong thời gian Covid-19** | **Hậu Covid-19** |
| **Nội dung** | **Giảm đi** | **Không thay đổi** | **Tăng lên** | **Giảm đi** | **Không thay đổi** | **Tăng lên** |
| Thanh toán online  | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Sử dụng các ứng dụng của Ngân hàng trên thiết bị di động  | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Thực hiện giao dịch tại chi nhánh/ Phòng giao dịch ngân hàng | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Khách hàng gọi điện cho bộ phận chăm sóc, tư vấn của ngân hàng | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Vay tiêu dùng tại ngân hàng | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Hồ sơ vay vốn của doanh nghiệp | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Ứng dụng số hóa trong hoạt động ngân hàng | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Lợi nhuận của ngân hàng | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Nợ xấu ngân hàng | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Gửi tiết kiệm online | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Gửi tiết kiệm không kỳ hạn | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |
| Gửi tiết kiệm có kỳ hạn | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 | 🞏 |

1. **Quý Ngân hàng đánh giá thế nào về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 6 tháng cuối năm 2021?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Ảnh hưởng nhiều nhất** |  |  |  | **Ảnh hưởng ít nhất** |
|   | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **Yếu tố bên trong** |   |   |   |   |   |
| Năng lực tài chính | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Năng lực quản trị, điều hành | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Hoạt động marketing của ngân hàng | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Chất lượng nguồn nhân lực | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Hệ thống quản lý rủi ro và công tác kiểm soát nội bộ | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Khả năng áp dụng công nghệ số trong các dịch vụ ngân hàng | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Chất lượng sản phẩm, dịch vụ | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ mới | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Uy tín của ngân hàng | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Sự hợp tác với các quỹ đầu tư, công ty tài chính, ngân hàng khác | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Ảnh hưởng nhiều nhất** |  |  |  | **Ảnh hưởng ít nhất** |
|  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **Yếu tố bên ngoài** |  |  |  |  |  |
| Sự phục hồi của kinh tế vĩ mô | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Nguy cơ bùng phát đại dịch trở lại trên diện rộng | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Áp lực cạnh tranh trong ngành gia tăng | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Chính sách, quy định của Nhà nước lĩnh vực Ngân hàng | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Sự phát triển của công nghệ và xu hướng ngân hàng số | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Hành vi sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng thay đổi trong bối cảnh hậu Covid-19 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |
| Yếu tố khác (ghi rõ…………………………..………………………………………………..) | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 | 🞎 |

1. **Theo Quý Ngân hàng, triển vọng toàn ngành Ngân hàng trong 6 tháng cuối năm 2021 so với cùng kỳ năm trước?**

[ ]  Tăng trưởng sẽ thấp hơn rất nhiều

[ ]  Tăng trưởng sẽ thấp hơn một chút

[ ]  Duy trì tốc độ tăng trưởng

[ ]  Tăng trưởng khả quan, tốt hơn một chút

[ ]  Tăng trưởng mạnh, tốt hơn nhiều

1. **Theo Quý Ngân hàng, tăng trưởng tín dụng của toàn ngành Ngân hàng trong năm 2021 có thể đạt bao nhiêu %?**

[ ]  Tăng trưởng dưới 8%

[ ]  Tăng trưởng từ 8% đến 10%

[ ]  Tăng trưởng từ trên 10% đến 12%

[ ]  Tăng trưởng từ trên 12% đến 14%

[ ]  Tăng trưởng từ trên 14%

1. **Theo Quý Ngân hàng, đâu là Top 5 cơ hội cho sự tăng trưởng của ngành Ngân hàng trong bối cảnh thời kỳ hậu Covid-19**

|  |
| --- |
| [ ]  Khả năng phục hồi của nền kinh tế Việt Nam  |
| [ ]  Môi trường kinh doanh của Việt Nam được đánh giá ổn định |
| [ ]  Lãi suất đầu vào thấp  |
| [ ]  Các ngân hàng đang chuyển hướng mạnh mẽ trong cơ cấu hoạt động |
| [ ]  NHNN cho phép tái cơ cấu các khoản nợ bị ảnh hưởng bởi Covid-19 |
| [ ]  Nhiều ngân hàng đã đạt chuẩn Basel II  |
| [ ]  Những chính sách mới của Ngân hàng Nhà nước |
| [ ]  Chất lượng tài sản của ngân hàng cải thiện |
| [ ]  Các Ngân hàng tăng cường đầu tư công nghệ số  |
| [ ]  Lợi nhuận từ dịch vụ tài chính phi tín dụng được gia tăng  |
| [ ]  Cổ phiếu ngành ngân hàng còn được định giá thấp |
| [ ]  Làn sóng IPO (phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng) của các ngân hàng hoặc chuyển sang sàn giao dịch chính |
| [ ]  Các ngân hàng niêm yết đang tích cực đầu tư mạnh vào công nghệ, chuyển đổi số |
| [ ]  Một số Hiệp định thương mại mới đi vào hiệu lực trong năm 2021 |
| [ ]  Khác (vui lòng ghi rõ) ………………………………… |

1. **Theo Quý Ngân hàng, đâu là Top 5 thách thức cho sự tăng trưởng của ngành Ngân hàng trong bối cảnh hậu Covid-19?**

|  |
| --- |
| [ ] Tuân thủ các chuẩn mực quốc tế ở cấp độ cao hơn |
| [ ] Hậu Covid-19, phương thức kinh doanh cũng thay đổi đòi hỏi dịch vụ ngân hàng cũng phải thay đổi để đáp ứng nhu cầu của khách hàng |
| [ ] Năng lực quản lý, điều hành còn hạn chế so với yêu cầu của NHTM hiện đại |
| [ ] Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao |
| [ ] Tỷ lệ về chi phí nghiệp vụ và khả năng sinh lời của ngân hàng Việt Nam còn thua kém so với các ngân hàng trong khu vực |
| [ ] Xu hướng gia tăng nợ xấu do tác động của đại dịch Covid -19 |
| [ ] Cạnh tranh giữa các ngân hàng  |
| [ ] Sự xuất hiện của các công ty Fintech |
| [ ]  Hạ tầng công nghệ và hệ thống thanh toán của các ngân hàng Việt Nam chưa đáp ứng với nhu cầu của hội nhập |
| [ ]  Bảo mật thông tin còn hạn chế |
| [ ]  Nhu cầu tín dụng giảm  |
| [ ]  Áp lực tăng vốn điều lệ |
| [ ]  Khác (ghi rõ) ………………………………… |

1. **Top 5 Chiến lược trọng tâm của Quý Ngân hàng trong năm 2021?**

| [ ]  Tập trung xử lý nợ xấu, tăng trưởng tín dụng ổn định |
| --- |
| [ ]  Cơ cấu lại các lĩnh vực hoạt động, tập trung vào các lĩnh vực chính, ít rủi ro và có lợi nhuận biên cao |
| [ ]  Phát triển kênh đại lý ngân hàng |
| [ ]  Đổi mới, nghiên cứu các sản phẩm mới đáp ứng yêu cầu của thị trường |
| [ ]  Tăng vốn điều lệ |
| [ ]  Thực hiện M&A, liên doanh, hợp tác với các đối tác nước ngoài |
| [ ]  Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao |
| [ ]  Nâng cao uy tín, hình ảnh của ngân hàng trên truyền thông |
| [ ]  Tăng các khoản thu ngoài lãi |
| [ ]  Phát hành trái phiếu doanh nghiệp  |
| [ ]  Tiếp tục đẩy mạnh tiến trình chuyển đổi số ngân hàng |
| [ ]  Phát triển mô hình đa kênh và mô hình đa kênh kết nối (omni - channel) |
| [ ]  Thiết kế các biện pháp khuyến khích khách hàng sử dụng nhiều hơn sản phẩm số |
| [ ]  Đảm bảo dự trữ thanh khoản tốt |
| [ ]  Xây dựng các biện pháp để tiết giảm chi phí phù hợp. |
| [ ]  Hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid -19, cơ cấu lại thời gian trả nợ, miễn giảm lãi vay cho khách hàng vay vốn tại ngân hàng… |
| [ ]  Khác (ghi rõ) ……………………………………………………… |

1. **Theo Quý Ngân hàng, đâu là Top 4 giải pháp mà Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước nên chú trọng để hỗ trợ tốt nhất cho thị trường ngân hàng trong thời kỳ hậu Covid-19?**

[ ]  Điều hành chính sách tiền tệ phù hợp, linh hoạt với diễn biến thị trường

[ ]  Tiếp tục cải thiện hệ thống văn bản pháp lý có liên quan đến NHTM

[ ]  Hỗ trợ việc tái cơ cấu, M&A của ngân hàng

[ ]  Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ngành Ngân hàng

[ ]  Rà soát, xây dựng các quy định áp dụng công nghệ nhằm giảm thiểu giao dịch trực tiếp trong cung ứng, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng.

[ ]  Cải thiện, minh bạch hóa thông tin tín dụng

[ ]  Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ, đột xuất việc triển khai thực hiện của các tổ chức tín dụng

[ ]  Triển khai nhanh, đồng bộ và hiệu quả các gói hỗ trợ các doanh nghiệp, cá nhân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid -19

[ ]  Khác (vui lòng cho biết) ………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| PHẦN III: CHIẾN LƯỢC SỐ CỦA NGÀNH NGÂN HÀNG TRONG THỜI KỲ HẬU COVID-19 |

1. **Đánh giá tiến trình chuyển đổi số hiện nay của ngân hàng?**

[ ]  Đang được triển khai trên quy mô

[ ]  Đã triển khai một phần

[ ]  Triển khai hạn chế

[ ]  Củng cố hệ thống vận hành

[ ]  Vẫn đang trong giai đoạn thiết kế

[ ]  Hiện không có chiến lược chuyển đổi kỹ thuật số

1. **So với năm trước, Quý Ngân hàng đã có chuẩn bị như thế nào để thích ứng với kỷ nguyên công nghệ số và Cách mạng Công nghiệp 4.0?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Rất Cao** | **Cao** | **Trung bình** | **Thấp** | **Rất thấp** |
| Nền tảng công nghệ di động | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Dữ liệu lớn (Big Data) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Ngân hàng mở | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Chatbots, voice | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Công cụ Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Điện toán đám mây | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| IOT (Internet vạn vật) | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Blockchain | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |
| Khác (vui lòng ghi rõ)……………………………................ | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  | [ ]  |

1. **Trong năm 2021, những thách thức lớn nhất cản trở Quý Ngân hàng tận dụng cơ hội từ chuyển đổi số là gì?**

[ ]  Có quá nhiều ưu tiên chồng chéo nhau

[ ]  Thiếu vốn

[ ]  Thiếu lao động có kĩ năng

[ ]  Thiếu kỹ năng lãnh đạo ngân hàng

[ ]  Thiếu sự kết nối trong tổ chức

[ ]  Thói quen dùng tiền mặt của người dân Việt Nam còn quá lớn

[ ]  Hệ thống dữ liệu quốc gia chưa được hoàn thiện

[ ]  Sợ thay đổi/sự chống đối, phản kháng từ nội bộ

[ ]  Rủi ro an ninh mạng

[ ]  Chưa sẵn sàng chấp nhận rủi ro

[ ]  Thiếu chính sách/quy định pháp luật hỗ trợ

[ ]  Ứng dụng công nghệ trong ngân hàng hiện nay chưa có cấu trúc chuẩn

[ ]  Khác (vui lòng cho biết) …………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| ĐÁNH GIÁ NGÂN HÀNG TIÊU BIỂU |

1. **Đánh giá của Quý Ngân hàng, đâu là Ngân hàng tiêu biểu nhất trong ngành Ngân hàng Việt Nam hiện nay? (***Xin vui lòng đánh số theo thứ tự từ 1-10 ngân hàng trong danh sách dưới đây với thứ tự 1 là ngân hàng được đánh giá tiêu biểu nhất)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thứ hạng** | **Tên Ngân hàng** | **Tiêu chí được đánh giá cao nhất** |
|  | NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VP BANK) |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI |  |
|  | NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN-HÀ NỘI |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TP. HỒ CHÍ MINH |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP TIÊN PHONG |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP BẮC Á |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP XNK VIỆT NAM |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP BẢO VIỆT |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP XĂNG DẦU PETROLIMEX |  |
|  | NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT |  |

*Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Ngân hàng!*